

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HSST
Ngày: 11/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với tKnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: bà Trương Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Thúy Hằng và bà Điều Thị Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hơn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: ông Vũ Đức

Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/HSST-QĐXX ngày 14 tháng 5 năm 2024; Thông báo dời lịch xét xử vụ án hình sự số 05/2024/TB-TA ngày 29/5/2024; đối với bị cáo:

LÊ THỊ HỒNG N, sinh năm 2002; giới tính: Nữ; nơi thường trú: ấp Bù Xăng, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Văn Hội, sinh năm 1982 và bà Nông Thị Hương, sinh năm 1979; bị cáo chưa có chồng; bị cáo có 01(một) người con, sinh năm 2002; bị cáo có 02(hai) người em, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; bản thân bị cáo là con lớn nhất trong gia đình, tiền án; tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Bị hại:* Bùi Thị K, sinh năm 1964; nơi thường trú: ấp Tân Phước, xã Tân Tiến, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Thái Thanh M, sinh năm 1966; nơi thường trú: khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

2. Lãng Thị L, sinh năm 1960; nơi thường trú: ấp Bù Xăng, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Trần Vũ G, sinh năm 1998; nơi thường trú: ấp Tân Phước, xã Tân Tiến, huyện BD, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Hồng N chung sống như vợ chồng với Trần Vũ G tại nK của bà Bùi Thị K (mẹ ruột của G) ở ấp Tân Phước, xã Tân Tiến, huyện BD, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian ở nK bà K, N phát hiện thấy bà K cất giữ vàng ở đầu giường phòng ngủ nên N nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 08 giờ ngày 21/12/2023, N vào phòng ngủ của bà K lén lút trộm cắp một nhẫn vàng 9999 trọng lượng 05 chỉ và một nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ đem cất giấu trong tủ quần áo phòng ngủ của N và G. Sau đó N đem nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ đến tiệm vàng Kim Đào ở thị trấn Thanh Bình, huyện BD, tỉnh Bình Phước bán được 5.900.000đồng.

Khoảng 09 giờ ngày 24/12/2023, N đem nhẫn vàng 9999 trọng lượng 05 chỉ đến tiệm vàng Kim Đào bán 01 chỉ được 5.900.000 đồng và đổi lấy hai nhẫn vàng 9999 trọng lượng mỗi nhẫn 02 chỉ. N dùng số tiền vừa bán vàng mua lại một nhẫn vàng 18K với giá 2.430.000 đồng. Sau đó, N về nK bà K cất giấu số vàng còn lại. Ngày 27/12/2023, bà K phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an xã Tân Tiến xác minh làm rõ. Tại cơ quan công an, N thừa nhận Knh vi trộm cắp và giao nộp lại hai nhẫn vàng 9999.

Bản kết luận định giá tài sản số 112/2024/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện BD, xác định: Một nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ; một nhẫn vàng 9999 trọng lượng 05 chỉ tại thời điểm ngày 21/12/2023 có tổng giá trị 36.900.000 đồng.

Cáo trạng số: 33/CT - VKS ngày 06/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Thị Hồng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ Knh vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước đã truy tố và kết luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm. Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì. HĐXX không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 38, 50 của Bộ luật hình sự, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Kinh vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện BD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kinh vi, quyết định của cơ quan tiến Kinh tố tụng, người tiến Kinh tố tụng và những người làm chứng. Kinh vi, quyết định của Cơ quan tiến Kinh tố tụng, người tiến Kinh tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 21/12/2023, tại nK bà Bùi Thị K thuộc ấp Tân Phước, xã Tân Tiến, huyện BD, bị cáo Lê Thị Hồng N đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt 01(một) nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01(một) chỉ; 01(một) nhẫn vàng 9999 trọng lượng 05(năm) chỉ. Bản kết luận định giá tài sản số 112/2024/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện BD, xác định: Một nhẫn vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ; một nhẫn vàng 9999 trọng lượng 05 chỉ tại thời điểm ngày 21/12/2023 có tổng giá trị 36.900.000đồng nên bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ của Kinh vi: Kinh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã tKinh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Kinh vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi

thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; một phần tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Trách Nệm dân sự: bà Lăng Thị L là bà nội của Lê Thị Hồng N tự nguyện bồi thường cho bị hại Bùi Thị K 12.000.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng:

Đối với 02(hai) nhẫn vàng 9999, do bị cáo N tự nguyện giao nộp đã được cơ quan điều tra. Ngày 14/5/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà K. Tại phiên tòa hôm nay, bà K không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01(một) áo khoác vải, màu xám đen, có mũ liền áo và 01(một) quần vải màu hồng loại quần short là tư trang của N, là vật chứng của vụ án. HĐXX xét thấy, tài sản không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 11.800.000đồng do bị cáo N bán nhẫn vàng đã tiêu xài hết. Tuy N, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động đến gia đình và gia đình đã bồi thường cho bị hại số tiền 12.000.000đồng. HĐXX xét thấy, không cần truy thu số tiền này đối với bị cáo; Đối với 01 (một) nhẫn vàng 18K trị giá 2.430.000 đồng, bị cáo N đã làm mất không thu giữ được. HĐXX không xem xét.

[8] Xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX, HĐXX chấp nhận.

Án phí: bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Hồng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Thị Hồng N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi Knh án.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) áo khoác vải, màu xám đen, có mũ liền áo và 01(một) quần vải màu hồng loại quần short.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0007915 ngày 15/5/2024 giữa Chi cục thi Knh án dân sự dân sự huyện BD và công an huyện BD).

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Công an huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Việt Nga